TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2026
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ánh Ngọc

Ông Nguyễn Văn Lộc

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 336/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025, về việc: *"Ly hôn";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc Thiên C**, sinh năm: 1978; CCCD số 0750.7801.5439 do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 03/5/2023.

Địa chỉ: A, ấp B, xã G, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm: 1979; CMND số 271.372.585 do Công an Đ cấp ngày 01/9/1995.

Nơi cư trú cuối cùng: A2/055B, ấp B, xã G, tỉnh Đồng Nai.

(Ông C, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - ông Nguyễn Ngọc Thiên C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc Thiên C và bà Nguyễn Thị Thúy H qua thời gian quen biết và tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 01/03/2005 tại Ủy ban nhân dân xã G (Nay là UBND xã T), tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng chung sống với nhau tại địa chỉ: A, ấp B, xã Q (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai cho đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn về vấn đề kinh tế gia đình, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã bất hòa. Đôi khi bà H còn lớn tiếng xúc phạm danh dự của ông C, cả hai đã cố gắng hòa giải với nhau nhưng không thành. Đến năm 2021, bà H dẫn theo con bỏ nhà ra đi. Hiện nay bà H đi đâu, làm gì thì ông C không biết. Ông C và gia đình cũng tìm kiếm khắp nơi nhưng cũng không có tin tức gì của bà H nên khoảng tháng 4 năm 2025 ông C có làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà H mất tích.

Sau khi Tòa án tiến hành xác minh và ông C đã thực hiện các thủ tục đăng tin tìm kiếm bà H trên báo đài theo quy định nhưng vẫn không có tin tức gì của bà H nên Tòa án đã tuyên bố bà H mất tích (tại quyết định số 10/2025/QĐST-VDS ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai). Nay ông C nhận thấy không còn tình cảm với bà H, không thể hòa giải hàn gắn được nữa nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông C được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy H.

- Về con chung: Theo ông Nguyễn Ngọc Thiên C, vợ chồng chung sống có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nguyên K, sinh ngày 01/11/2006 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/01/2008.

Hiện nay con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc Thiên C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bà H không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không đến Tòa án tham dự phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn đã bị tuyên bố mất tích nên vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - ông Nguyễn Ngọc Thiên C, xử cho ông C và bà H được ly hôn.

+ Về con chung: Hiện nay con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Kiểm sát viên không kiến nghị, khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn - ông Nguyễn Ngọc Thiên C có yêu cầu ly hôn với bị đơn - bà Nguyễn Thị Thúy H (BL 01). Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn - bà H có nơi cư trú tại A, ấp B, xã G, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

[2.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn - ông Nguyễn Ngọc Thiên C có yêu cầu ly hôn với bị đơn - bà Nguyễn Thị Thúy H. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là *"Ly hôn"*.

[2.2] *Về tư cách đương sự*: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định ông Nguyễn Ngọc Thiên C là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thúy H là bị đơn.

[2.3] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - ông Nguyễn Ngọc Thiên C và bị đơn - bà Nguyễn Thị Thúy H đều vắng mặt. Tuy nhiên, ông C đã có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 42), còn bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc Thiên C và bà Nguyễn Thị Thúy H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2005 (BL 06),

đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của ông C và bà H được công nhận là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn - ông Nguyễn Ngọc Thiên C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có. Từ năm 2021 bà H đã tự ý bỏ nhà đi cho đến nay không liên lạc với gia đình mặc dù ông C đã tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì; sự việc này mặc dù không được bà H thừa nhận nhưng lời khai của ông C phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng bà H đều vắng mặt.

Đối với việc vắng mặt của bị đơn - bà Nguyễn Thị Thúy H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thời gian bà H bỏ nhà đi đã lâu và Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai cũng đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 10/2025/QĐST-VDS ngày 29/9/2025, tuyên bố bà H mất tích (BL 02, 03). Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 05/11/2025 tại Công an xã G cũng xác định: *"Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1979 có đăng ký thường trú tại A, ấp B, xã G, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay, bà Nguyễn Thị Thúy H không có mặt tại địa phương"*. (BL 37)

Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn"* và khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình"*.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu ly hôn của ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Ông C và bà H có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nguyên K, sinh ngày 01/11/2006 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/01/2008. Hiện nay, các cháu đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 57 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Nguyễn Ngọc Thiên C.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho ông Nguyễn Ngọc Thiên C và bà Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn.

2. *Về con chung*:

Ông Nguyễn Ngọc Thiên C và bà Nguyễn Thị Thúy H chung sống có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nguyên K, sinh ngày 01/11/2006 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 01/01/2008. Hiện nay, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Ông Nguyễn Ngọc Thiên C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0005136 ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Đồng Nai;
- UBND xã T (Trước là UBND xã G), tỉnh Đồng Nai theo GCNKH số 09/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.